TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HS-ST
Ngày: 18 -9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Tấn và bà Trịnh Thị Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Đinh Thế Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. BÙI VĂN T2, sinh ngày 11 tháng 6 năm 1994 tại P - N - Ninh Bình. Nơi cư trú: Thôn E, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn K và bà Đào Thị H; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 13/5/2008 bị Công an huyện N, tỉnh Ninh Bình phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 28/6/2010, bị Công an thành phố N, tỉnh Ninh Bình phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 04/10/2010, bị UBND huyện N, tỉnh Ninh Bình xử lý hành chính bằng biện pháp Đưa vào trường G; Ngày 13/11/2015, bị TAND huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản; Ngày 30/11/2015, bị TAND huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xử phạt 12 tháng tù về tội Tổ chức Đánh bạc; Ngày 24/6/2020, bị UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình xử phạt tiền 2.500.000đ về hành vi xâm hại đến sức khoẻ người khác.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. ĐÀO CẨM C, sinh ngày 24 tháng 3 năm 1993 tại P - N - Ninh Bình. Nơi cư trú: Thôn A, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn T và bà Vũ Thị T1; bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Phạm Thị H1, sinh năm 1968. Trú tại: Phố R, xã Â, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Trương Tuấn D, sinh năm 1989. Trú tại: Phố R, xã Â, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Anh Lê Văn N, sinh năm 1997. Trú tại: Thôn M, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

Ông Bùi Văn K, sinh năm 1968. Trú tại: Thôn E, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

Ông Đào Văn T, sinh năm 1964. Trú tại: Thôn A, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 25/3/2024, Bùi Văn T2 rủ Đào Cẩm C đến địa bàn huyện L, tỉnh Hòa Bình chơi và để gặp bạn của T2 quen qua mạng xã hội. Đào Cẩm C đồng ý và dùng xe môtô nhãn hiệu Honda, loại SH màu trắng không gắn Biển kiểm soát, đến đón T2 tại khu vực bến xe N, tỉnh Ninh Bình đi huyện L, tỉnh Hòa Bình. Đến địa phận xóm K, xã T, huyện L thì T2 và C vào quán ngồi uống nước. T2 gọi cho bạn qua ứng dụng Messenger nhiều lần để bạn ra đón nhưng bạn của T2 không nghe máy nên T2 bực tức trong người. Đợi một lúc không liên lạc được với bạn của T2 nên T2 bảo C đi về N; T2 điều khiển xe còn C ngồi phía sau. Trong lúc di chuyển, T2 vẫn liên tục gọi điện thoại cho bạn nhưng vẫn không liên lạc được. Lúc này, T2 bị một chiếc xe ôtô con nhãn hiệu Toyota, loại Vios G, màu đỏ, xe 04 chỗ ngồi, BKS 28A-116.27 do anh Trương Tuấn D điều khiển đi cùng chiều ép sát và bấm còi làm T2 suýt mất lái. Do đang bực tức nên đi tiếp khoảng 100m, T2 dừng xe xuống đi bộ dọc đường nhặt đá và một đoạn gậy kim loại mang theo với mục đích đuổi theo xe ôtô nêu trên để ném đã, đập xe giải quyết mâu thuẫn. Quay lại xe môtô, T2 bảo C điều khiển xe còn mình ngồi phía sau, đuổi theo và áp sát xe ôtô lúc trước. Đi được khoảng 200 đến 300m, đến địa phận xóm L, xã Â, huyện L thì cả hai đuổi kịp xe ôtô do anh D điều khiển. Lúc này C tăng tốc độ, T2 ngồi sau dùng gậy kim loại đập một nhát vào gương chiếu hậu bên trái làm gương và vỏ gương bị bung rời. T2 tiếp tục đập một nhát vào kính chắn gió phía trước làm kính bị dạn nứt, bẹp lõm. Sau đó T2 bảo C điều khiển xe môtô chạy theo hướng L - Y. Lúc này, anh D điều khiển xe ôtô đuổi theo. Khi đến đoạn đường thuộc xóm R, xã Â, huyện L thì T2 ném đá về phía xe ôtô, C cũng tháo mũ bảo hiểm ném về phía xe ôtô anh C đang điều khiển. Khi xe anh C đuổi kịp, ép sát xe môtô C đang điều khiển vào lề đường bên phải thì T2 tiếp tục dùng gậy sắt đập một nhát vào nắp capo bên phải làm bép lõm, trượt xước và bong tróc sơn xe. Sau đó T2 bảo C điều khiển xe rẽ vào ngã ba xóm K, xã N, huyện L, chạy theo đường liên xã ra đường

H về N, tỉnh Ninh Bình.

Tang vật thu giữ và quá trình xử lý vật chứng: Tang vật thu giữ tại giai đoạn điều tra là 01 chiếc gậy bằng kim loại rỗng, dài 60cm, đã qua sử dụng; 01 xe ôtô con nhãn hiệu Toyota, loại Vios G, màu đỏ, xe 04 chỗ ngồi, BKS 28A-116.27. Chiếc xe ôtô đã được Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu là bà Phạm Thị H1. Đối với chiếc gậy kim loại hiện đang được lưu giữ tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn chờ xử lý.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 185/KL-HĐĐGTS ngày 22/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng dân sự huyện L kết luận: xe ôtô con nhãn hiệu Toyota, loại Vios G, màu đỏ, xe 04 chỗ ngồi, BKS 28A-116.27 đã qua sử dụng, số khung: 3F37L.5098815, số máy: 2NRX649956 tổng giá trị thiệt hại tại thời điểm ngày 25/3/2024 là 15.110.450 (Mười lăm triệu, một trăm mười lăm nghìn, bốn trăm năm mươi) đồng. Theo hoá đơn sửa chữa xe ôtô do bị hại cung cấp chi phí sửa chữa hết 21.777.120 (Hai mươi mốt triệu, bảy trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm hai mươi) đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản Cáo trạng số 47/CT-VKS-LS, ngày 14/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đã truy tố các bị cáo Bùi Văn T2, Đào Cẩm C về tội "Huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản" theo quy định khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với Lê Văn N là chủ sở hữu chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda, loại SH, BKS 29L1-640.72, do không biết Đào Cẩm C dùng xe đi thực hiện hành vi phạm tội nên Cáo trạng không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố, tội danh và điều khoản luật áp dụng đối với các bị cáo. Xác định các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015. Các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; các bị cáo đều có người nhà là người có công theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Bị cáo Đào Cẩm C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Bùi Văn T2 từ 15 đến 18 tháng tù, xử phạt bị cáo Đào Cẩm C từ 12 đến 15 tháng tù và cho bị cáo Đào Cẩm C được hưởng án treo. Về vật chứng của vụ án là chiếc gậy kim loại là công cụ phạm tội nên cần tịch thu để tiêu huỷ. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo bồi thường thoả đáng cho bị hại theo quy định của pháp luật.

Bị hại không có ý kiến gì về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Giữ nguyên yêu cầu bồi thường đối với bị cáo là yêu cầu các bị cáo bồi thường theo quy định của pháp luật. Bị hại và anh Trương Tuấn D cho rằng các bị cáo không thành khẩn khai báo vì cho rằng các bị cáo đập phá xe của bị hại có mục đích khác là để đe doạ do người đứng phía sau tên là Bùi Văn N1 chỉ đạo các bị cáo vì trước đó anh Trương Tuấn D có vay tiền của Bùi Văn N1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đào Văn T không yêu cầu bị cáo Đào Cẩm C bồi hoàn số tiền đã bỏ ra bồi thường thay cho bị cáo Đào Cẩm C.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình; không có ý kiến gì về nội dung Cáo trạng phản ánh; không kêu oan. Các bị cáo khẳng định các lời khai của mình tại giai đoạn điều tra, truy tố là đúng; các bị cáo chỉ vì bức xúc khi tham gia giao thông mà có hành vi đập phá xe ôtô của bà Phạm Thị H1 chứ không có mục đích nào khác; không có quen biết và không nghe theo sự xui khiến của ai tên là Bùi Văn N1 cả. Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và chấp nhận mức bồi thường theo hoá đơn sửa chữa thực tế là 21.777.120 (Hai mươi mốt triệu, bảy trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm hai mươi) đồng. Các bị cáo và gia đình đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự số tiền 15.110.450 (Mười lăm triệu, một trăm mười lăm nghìn, bốn trăm năm mươi) đồng để bồi thường; mỗi bị cáo nhận bồi thường một nửa số tiền này là 7.555.225 đồng. Số tiền chênh lệch giữa hoá đơn sửa chữa thực tế và số tiền theo định giá là 21.777.120 - 15.110.450 = 6.666.670 (Sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy mươi) đồng bị cáo Bùi Văn T2 nhận chịu. Bị cáo Đào Cẩm C xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Cơ quan điều tra, của Kiểm sát viên, của Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên xác nhận là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng.

[2] *Về căn cứ xác định tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo:* Ngày 25/3/2024, Bùi Văn T2 và Đào Cẩm C đã có hành vi điều khiển xe môtô đuổi theo và dùng gậy kim loại đập, dùng đá ném vào xe ôtô con nhãn hiệu Toyota, loại Vios G, màu đỏ, BKS 28A-116.27 thuộc sở hữu của bà Phạm Thị H1 do anh Trương Tuấn D điều khiển, gây thiệt hại 15.110.450 (Mười lăm triệu, một trăm mười lăm nghìn, bốn trăm năm mươi) đồng. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên toà, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với vết tích, thiệt hại của tài sản và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo đuổi theo xe ôtô nhằm mục đích ném đá, đập xe để giải quyết mâu thuẫn; làm mất một phần giá trị sử dụng của tài sản mà không cố ý làm mất hoàn toàn giá trị sử dụng của tài sản là xe ôtô BKS 28A-116.27. Thiệt hại các bị cáo gây ra nằm trong khoảng từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Cố ý làm hư hỏng tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự 2015. Cáo trạng truy tố các bị cáo theo tội danh, điều khoản luật áp dụng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đối với ý kiến của bị hại và anh Trương Tuấn D tại phiên toà cho rằng các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do người khác chỉ đạo và nhằm mục đích đe doạ anh Trương Tuấn D và gia đình do anh Trương Tuấn D có vay tiền của đối tượng là Bùi Văn N1. Tuy nhiên, kết quả điều tra không xác định được nhân thân, căn cước đối tượng Bùi Văn N1, không có tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo có liên quan đến đối tượng Bùi Văn N1 và

việc vay tiền giữa anh Trương Tuấn D và Bùi Văn N1. Mặt khác, theo lời khai của bị hại tại giai đoạn điều tra bị hại đã khẳng định không biết mục đích phạm tội của các bị cáo. Tại phiên toà bị hại và anh D cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh mục đích khác của việc phạm tội của các bị cáo nên ý kiến của bị hại và anh Trương Tuấn D tại phiên toà là ý kiến theo cảm tính. Khi cơ quan điều tra chứng minh được Bùi Văn N1 có hành vi phạm tội thì sẽ được xử lý bằng vụ án khác. Đối với Lê Văn N là chủ sở hữu chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda, loại SH, BKS 29L1-640.72, do không biết Đào Cẩm C dùng xe đi thực hiện hành vi phạm tội nên Cáo trạng không đề cập xử lý là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:* Tội phạm mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội; đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an địa phương. Các bị cáo chỉ vì bức xúc khi tham gia giao thông đã không kiềm chế được bản thân mà đã có hành vi đuổi theo phương tiện giao thông khác khi đang tham gia giao thông, dùng đá, gậy đập phá tài sản là phương tiện đang tham gia giao thông khác gây thiệt hại về tài sản, gây nguy cơ mất an toàn giao thông đường bộ. Do vậy, cần áp dụng đối với các bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[4] *Về cá thể hoá trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:* Các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, các bị cáo tiếp nhận ý chí của nhau một cách tức thời, không có phân công, phân nhiệm cụ thể nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong vụ án, vai trò của Bùi Văn T2 là chủ yếu; Bị cáo T2 là người rủ bị cáo C đi đến địa bàn huyện L để gặp bạn của T2. Trên đường về chính T2 là người điều khiển xe môtô, đỗ xuống đi nhặt đá và gậy kim loại và bảo C lái xe đuổi theo xe ôtô do anh D điều khiển nhằm mục đích đập phá xe anh D đang điều khiển để giải quyết mâu thuẫn. T2 là người trực tiếp đập phá gương chiếu hậu, kính chắn gió và nắp capo xe ôtô gây thiệt hại về tài sản. Do đó, bị cáo T2 phải chịu trách nhiệm hình sự ở mức cao hơn bị cáo C. Bị cáo C là đồng phạm giúp sức tích cực; bị cáo đã dùng xe môtô chở bị cáo T2 đến L, dùng xe đuổi theo xe ôtô do anh D đang điều khiển để bị cáo T2 đập phá xe anh D đang điều khiển. Bị cáo C cũng đã dùng mũ bảo hiểm ném về phía xe ôtô và điều khiển xe môtô giúp cả hai bị cáo cùng tẩu thoát về N, Ninh Bình. Do đó, bị cáo Đào Cẩm D1 phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do mình gây ra.

[5] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự 2015. Sau khi phạm tội, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả. Các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho cả hai bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo Đào Cẩm D1 phạm tội lần đầu và bị truy tố ở khung hình phạt đến 3 năm tù nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Ngoài ra, các bị cáo đều có người nhà là người có công; bị cáo Bùi Văn T2 có ông ngoại là Đào Xuân T3 được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba, Huy chương chiến sỹ giải phóng và Giấy khen trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị cáo Đào Cẩm C có bác ruột

là Đào Duy Đ là liệt sỹ, có ông nội là Đào Văn V được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba và Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Đây là những tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Đối với bị cáo Đào Cẩm C có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS 2015; bị cáo C có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên Hội đồng xét xử xét không cần bắt bị cáo C chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Đề nghị của Kiểm sát viên, của bị cáo Đào Cẩm C xin hưởng án treo là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đối với bị cáo Bùi Văn T2 tuy có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, các lần phạm tội, vi phạm trước đó không còn bị coi là tiền án, tiền sự nhưng bị cáo có nhân thân xấu và có vai trò chính trong vụ án; đã nhiều lần bị xử phạt về hành vi trộm cắp tài sản, phạm tội về xâm phạm quyền sở hữu tài sản, bị xử phạt về hành vi gây tổn hại sức khoẻ người khác, đã từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính Đưa vào trường G. Do vậy, hành vi phạm tội lần này cần áp dụng đối với bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo bị cáo trở thành công dân bình thường, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung.

[6] *Về tang vật của vụ án:* Tang vật của vụ án là đoạn gậy kim loại rỗng, dài 60cm, là công cụ phạm tội nên cần tịch thu để tiêu huỷ. Đối với xe ôtô con nhãn hiệu Toyota, loại Vios G, màu đỏ, xe 04 chỗ ngồi, BKS 28A-116.27 thuộc sở hữu của bà Phạm Thị H1, cơ quan điều tra đã trả lại cho bà H1. Xét việc trả lại xe ôtô nêu trên không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và thi hành án, đúng quy định của pháp luật, bà Phạm Thị H1 không có khiếu nại gì khi nhận lại xe nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, các bị cáo chấp nhận mức bồi thường theo hoá đơn sửa chữa thực tế là 21.777.120 (Hai mươi mốt triệu, bảy trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm hai mươi) đồng. Các bị cáo và gia đình đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự số tiền 15.110.450 (Mười lăm triệu, một trăm mười lăm nghìn, bốn trăm năm mươi) đồng để bồi thường; mỗi bị cáo nhận bồi thường một nửa số tiền này là 7.555.225 đồng. Số tiền chênh lệch giữa hoá đơn sửa chữa thực tế và số tiền theo định giá là 21.777.120 - 15.110.450 = 6.666.670 (Sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy mươi) đồng bị cáo Bùi Văn T2 nhận chịu. Xét, đây là ý kiến tự nguyện của các bị cáo, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại nên Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận.

[8] *Về án phí:* Các bị cáo là những người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường tiền 15.110.450 (Mười lăm triệu, một trăm mười lăm nghìn, bốn trăm năm mươi) đồng, tiền bồi thường đang được gửi giữ tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn trước khi xét xử nên không phải chịu án phí dân sự đối với khoản tiền này. Bị cáo Bùi Văn T2 phải chịu án phí đối với số tiền nhận bồi thường thêm

do chênh lệch giữa số tiền định giá và số tiền theo hoá đơn sửa chữa thực tế chưa bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Văn T2;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đào Cẩm C;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T2, Đào Cẩm C phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Văn T2 16 (Mười sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đào Cẩm C 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án 18/9/2024.

Giao bị cáo Đào Cẩm C cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp Đào Cẩm C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 91 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Đào Cẩm C cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì có thể bị Toà án buộc phải chấp hành bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015; khoản 5 Điều 275; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015: Buộc các bị cáo Bùi Văn T2, Đào Cẩm C có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại Phạm Thị H1 số tiền 21.777.120 (Hai mươi mốt triệu, bảy trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm hai mươi) đồng do hành vi làm hư hỏng tài sản ngày 25/3/2024, đã bồi thường được 15.110.450 (Mười lăm triệu, một trăm mười lăm nghìn, bốn trăm năm mươi) đồng. Trong đó, bị cáo Bùi Văn T2 nhận bồi thường số tiền 14.221.895đ, đã bồi thường được 7.555.225 đồng, còn phải bồi thường tiếp 6.666.670 (Sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy mươi) đồng; bị cáo Đào Cẩm C nhận bồi thường số tiền 7.555.225 đồng, đã bồi thường xong. Số tiền 15.110.450đ nêu trên hiện đang lưu giữ tại C Thi hành án dân sự theo Biên lai thu tiền số 0001409 ngày 21/8/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình.

4. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu để tiêu huỷ 01 đoạn gậy kim loại rỗng, dài 60cm là công cụ phạm tội.

(Vật chứng hiện đang lưu giữa tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình theo Biên bản giao nhận vật chứng và Phiếu nhập kho số NK 000058 ngày 11/9/2014).

5. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Bùi Văn T2 phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 330.000đ án phí dân sự. Bị cáo Đào Cẩm C phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Cơ quan điều tra – CA Lạc Sơn;
- Các bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã P – Nho Quan – Ninh Bình;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn